

Số: 01/TM-TTYT

Thanh Miện, ngày 15 tháng 04 năm 2026

THƯ MỜI THAM GIA TƯ VẤN

Kính gửi: Các đơn vị tư vấn đấu thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm

Trung tâm Y tế Thanh Miện hiện đang có nhu cầu lựa chọn đơn vị tư vấn để thực hiện gói thầu: Mua sắm thiết bị công nghệ thông tin, vật tư hạ tầng mạng và các dịch vụ liên quan tại Trung tâm Y tế Thanh Miện năm 2026.

Căn cứ:

- Nhu cầu thực tế của Trung tâm Y tế Thanh Miện;
- Báo cáo kết quả thẩm định giá số **086/2026/496/BC-DAVIE** ngày 06/04/2026 của Công ty TNHH Thẩm định giá Đại Việt;
- Các quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu.

Trung tâm Y tế Thanh Miện kính mời Quý đơn vị có đủ năng lực, kinh nghiệm tham gia cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu: “Mua sắm thiết bị công nghệ thông tin, vật tư hạ tầng mạng và các dịch vụ liên quan tại Trung tâm Y tế Thanh Miện năm 2026” (*Chi tiết danh mục thiết bị tại Phụ lục kèm theo*), bao gồm:

1. Nội dung công việc tư vấn

- Lập hồ sơ mời thầu (HSMT)/hồ sơ yêu cầu (HSYC);
- Đánh giá hồ sơ dự thầu/hồ sơ đề xuất;
- Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có);
- Các công việc tư vấn khác có liên quan trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu.

2. Thông tin gói thầu

- Tên gói thầu: Mua sắm thiết bị công nghệ thông tin, vật tư hạ tầng mạng và các dịch vụ liên quan;
- Dự toán: **2.586.245.591 đồng** (theo chứng thư thẩm định giá);
- Nguồn vốn: Nguồn ngân sách nhà nước và nguồn thu hợp pháp của đơn vị;
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh
- Thời gian thực hiện: Quý II năm 2026

3. Yêu cầu đối với đơn vị tư vấn

- Có tư cách pháp nhân hợp lệ, hoạt động đúng ngành nghề;

- Có kinh nghiệm thực hiện các gói thầu tương tự;
- Có đội ngũ nhân sự đáp ứng yêu cầu chuyên môn;
- Không trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu.

4. Hồ sơ quan tâm gồm

- Hồ sơ năng lực của đơn vị;
- Báo giá dịch vụ tư vấn;
- Các tài liệu chứng minh kinh nghiệm tương tự;
- Các tài liệu pháp lý liên quan.

5. Thời gian và địa điểm nộp hồ sơ

- Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày 15/04/2026 đến trước 17h00 ngày 21/04/2026;
- Địa điểm: Phòng Tổ chức – Hành chính - Trung tâm Y tế Thanh Miện
- Địa chỉ: Số 42, đường 18/8, xã Thanh Miện, TP. Hải Phòng.

Trường hợp cần làm rõ thông tin, đề nghị liên hệ:

- Đại diện: Bà Vũ Thị Lý
- Chức vụ: Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính
- Điện thoại: 0988 117 918

Trung tâm Y tế Thanh Miện rất mong nhận được sự quan tâm và hợp tác của Quý đơn vị.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TCKT

GIÁM ĐỐC



**GIÁM ĐỐC
TRẦN HẢI HÀ**



Phụ Lục Số 01: DANH MỤC

Mua sắm thiết bị công nghệ thông tin, vật tư hạ tầng mạng và các dịch vụ liên quan tại Trung tâm Y tế Thanh Miện năm 2026

(Đính kèm theo thư mời tham gia tư vấn ngày 15/04/2026)

Đơn vị tính: đồng

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Mã ký hiệu/ Nhà sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá (VNĐ)	VAT (VNĐ)	Tổng (VNĐ)
1	Bộ lưu điện	1/ Bộ Lưu Điện 10KVA 10KW . Công suất: 10KVA/10KW . Thiết kế dạng Rack . Công nghệ Online . Hệ số công suất PF 1.0 . Điện áp nguồn vào: 208/220/230/240Vac (110~286Vac) . Điện áp nguồn ra: 208/220/230/240Vac \pm 1% . Tần số: 50/60 \pm 0.1% Hz (tự động nhận) . Dạng sóng: Sóng sine chuẩn . Cổng kết nối: RS232/USB . Điện áp ắc quy: \pm 120Vdc . Kích thước(W*D*H): 440*670*130 (mm) 2/ Tủ đựng bình Ắc Quy . Thiết kế: Dạng Rack	AR- MP10KRT/ ARES	Trung Quốc	Bộ	1	112.512.400	9.000.992	121.513.392

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Mã ký hiệu/ Nhà sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá (VNĐ)	VAT (VNĐ)	Tổng (VNĐ)
		<p>. Có sức chứa 20 bình 12V9AH</p> <p>. Giá đã bao gồm Dây, Cos và CB</p> <p>3/ Ấc quy 12V9AH</p> <p>. Loại ắc quy: Bình khô kín khí</p> <p>. Điện áp DC: 12V</p> <p>. Tuổi thọ thiết kế: 3 - 5 năm</p> <p>4/ Rail Kit - Thanh trượt gắn tủ Rack cho UPS</p>							
	Hệ thống cắt lọc sét	<p>* Tủ cắt lọc sét</p> <p>Công nghệ cắt sét: MOV, mạch lọc L-C</p> <p>Khả năng chịu quá áp (8 giờ) 440 V (L-N)</p> <p>Số pha: 3</p> <p>Dòng tải định mức: 63A</p> <p>Hệ thống nguồn: TT, TN-S, TN-C, TN-C-S</p> <p>Công nghệ cắt sét Đa MOV + mạch lọc LC</p> <p>Cấu hình bảo vệ:</p> <p>Sơ cấp: L1-N, L2-N, L3-N và N-PE</p> <p>Thứ cấp: L1-N, L2-N, L3-N</p> <p>Dòng xung sét lớn nhất (8/20 μs): 200 kA</p>	LPS 34-63/200kA/ POSTEF	Việt Nam	Hệ thống	1	90.205.500	7.216.440	97.421.940

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Mã ký hiệu/ Nhà sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá (VNĐ)	VAT (VNĐ)	Tổng (VNĐ)
2		<p>Dòng sét dạng 10/350 $\mu\text{s} \geq 70 \text{ kA}$</p> <p>Thời gian đáp ứng $\leq 25 \mu\text{s}$</p> <p>Điện áp ngưỡng tác động $330 \text{ V} < U_r < 550 \text{ V}$</p> <p>Khả năng tiêu tán năng lượng $\geq 625 \text{ kJ}$</p> <p>Khả năng cắt nhiều xung liên tiếp Có</p> <p>Cấp bảo vệ IP54</p> <p>Nhiệt độ làm việc $-20 \text{ }^\circ\text{C} \sim +85 \text{ }^\circ\text{C}$</p> <p>Độ ẩm làm việc $0 \sim 98 \%$ (không ngưng tụ)</p> <p>Báo hiệu trạng thái làm việc: Tại chỗ bằng led báo trạng thái</p> <p>Số cọc tiếp địa 4-5 cọc, tùy theo thực tế.</p> <p>* Vật tư + nhân công thi công hệ thống mạng lưới tiếp địa từ Phòng máy chủ đến Bãi tiếp địa ở khu đất trống tập kết rác thải y tế</p> <p>Yêu cầu kỹ thuật : giá trị điện trở tiếp đất phải $< 10 \text{ Ohm}$ theo tiêu chuẩn TCVN 9385:2012</p> <p>- Vật tư chính:</p> <p>+ Hệ thống điện cực tiếp địa: Cọc tiếp địa thép mạ đồng, Bột giảm điện trở đất, Băng đồng tiếp địa, Hộp kiểm tra điện trở tiếp địa</p>							

.H
 UN
 Y
 IANH
 S

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Mã ký hiệu/ Nhà sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá (VNĐ)	VAT (VNĐ)	Tổng (VNĐ)
		<p>+ Dây dẫn và ống bảo vệ (Cáp đồng trần, Cáp đồng bọc PVC, Ống nhựa HDPE gân xoắn, Ống gen cứng PVC D20 chống cháy + Măng xông)</p> <p>- Vật tư kết nối và Phụ kiện: Thuộc hàn hóa nhiệt, Khuôn hàn hóa nhiệt & Tay kẹp chuyên dụng, Kẹp tiếp địa chuyên dụng, Khớp nối đồng thẳng cho cọc, Hộp nối trung gian)</p> <p>- Vật tư phụ: Kẹp định vị, vít nở, băng keo cách điện...</p> <p>- Hạng mục thi công: Cắt, đục bê tông và hoàn trả mặt bằng; khoan đóng cọc tiếp địa; Lắp đặt mạng lưới liên kết với đầu cọc</p>							
3	Thiết bị chuyển mạch L2	<p>Thiết bị chuyển mạch lớp 2: Có POE- Cổng giao tiếp cố định: 24 x10/100/1000BASE-T ports. supporting PoE/PoE+; 4 x 1GE/2.5GE SFP ports- Tốc độ chuyển gói: 61 Mpps- Bảng địa chỉ MAC: 16.000- Số lượng VLAN: 4094- Jumbo Frame (MTU): 9.216 bytes- Dung lượng chuyển mạch: 82 Gbps- Flash Memory: 64 MB- SDRAM: 512 MB- Data packet buffer: 512 KB- Số lượng cổng Poe/PoE+: 24- Tiêu chuẩn PoE: IEEE802.3at ; IEEE802.3af- Hỗ trợ PoE: Công suất PoE tối thiểu 370W- Số lượng VLANs tối đa: 4094- Hỗ trợ Link aggregation: LACP (IEEE 802.3ad)- Hỗ trợ Spanning tree: STP. RSTP. MSTP</p>	RG-S5000-24GT4MS-P-E/Ruijie	Trung Quốc	Cái	12	15.057.770	1.204.622	195.148.699

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Mã ký hiệu/ Nhà sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá (VNĐ)	VAT (VNĐ)	Tổng (VNĐ)
		- Tính năng ACL và QoS: • Hỗ trợ Standard ACL. Extend ACL và ACL Redirection• Hỗ trợ quản lý nghẽn: RR. SP. WRR. DRR. WFQ. SP+WRR. SP+DRR. và SP+WFQ• Hỗ trợ 8 hàng đợi ưu tiên trên 1 giao diện.- Tính năng Bảo mật: • Hỗ trợ RADIUS và TACACS+• Hỗ trợ IEEE 802.1x authentication• Hỗ trợ Port-based and MAC-based 802.1x authentication• Hỗ trợ Web authentication . HTTPS . SSHv1. SSHv2 . IGMP V1.V2 snooping . IP Source Guard• Hỗ trợ Chính sách bảo vệ CPU (CPP) và Chính sách bảo vệ nền tảng mạng (NFPP)- Dịch vụ IP:• Hỗ trợ DHCP snooping • DHCP Server. DHCP Client. DHCP Relay- Độ tin cậy: Hỗ trợ giao thức LLDP- Tính năng Quản lý: • Hỗ trợ: CLI (telnet/console). syslog/debug. Web. MACC public cloud• Hỗ trợ CWMP (TR-069)- Hỗ trợ 802.3az EEE (Energy Efficient Ethernet)Khả năng chống sét: + Power port: 6 kV/2 kV + Telecom port: 10 kV"							
4	Dây cáp mạng CAT6 UTP	Dây cáp mạng Cat6 AMP UTP, Chiều dài: 1000 ft (304,8 m ~ 305m) Loại dây: AMP Category 6 UTP Cable, 4-Pair, 23AWG	1427254-6 / COMMSCOPE	Trung Quốc	Cuộn	26	3.914.160	313.133	109.909.613
5	Máng ghen 60	Máng nhựa luồn dây điện có nắp 60x40mm	GA60/02 /	Việt	Cái	50	91.660	7.333	4.949.640

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Mã ký hiệu/ Nhà sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá (VNĐ)	VAT (VNĐ)	Tổng (VNĐ)
	mm x 40 mm		SINO	Nam					
6	Máng ghen 39 mm x 18 mm	Máng nhựa luồn dây điện có nắp 39x18mm	GA39/01 / SINO	Việt Nam	Cái	80	37.880	3.030	3.272.832
7	Máng ghen 16mm x 14mm	Máng nhựa luồn dây điện có nắp 16x14mm	GA16 / SINO	Việt Nam	Cái	400	15.400	1.232	6.652.800
8	Ổ cắm mạng LAN (ổ nổi + mặt đế)	Ổ cắm mạng LAN 1 cổng RJ45, gồm - Mặt 1 lỗ: S181/X - Đế nổi: CK157RH - Nhân mạng RJ45 CAT6: S30RJ886	CAT6/ SINO	Việt Nam	Bộ	220	114.400	9.152	27.181.440
9	Hạt mạng Rj45	Đầu mạng RJ45 DINTEK UTP Cat6	601- 01001/APTEK	Trung Quốc	Túi	4	305.550	24.444	1.319.976
10	Ổ cắm điện	Ổ Cắm 6 Lỗ Công suất tối đa: 2200W Chiều dài: 3m	6D32N/ LiOA	Việt Nam	Cái	15	238.330	19.066	3.860.946
11	Hộp OTB 24FO	Vỏ hộp ODF Outdoor bằng nhựa 24FO OTB-0216E (Bao gồm phụ kiện treo tường/ treo cột ngoài trời)	OTB-0216- E/Quang Lâm	Việt Nam	Cái	2	840.270	67.222	1.814.983

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Mã ký hiệu/ Nhà sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá (VNĐ)	VAT (VNĐ)	Tổng (VNĐ)
12	Cáp quang 24FO	Cáp quang luôn ống 24 sợi Kiểu sợi quang: Single-mode. Số lượng lõi quang: 24 core.	2201-24059/ DINTEK	Trung Quốc/ Đài Loan	m	450	13.170	1.054	6.400.620
13	Cáp 8fo	Cáp quang luôn ống 8 sợi Kiểu sợi quang: Single-mode. Số lượng lõi quang: 8 core	"11386150/ SAICOM"	Việt Nam	m	520	10.750	860	6.037.200
14	Hộp ODF gắn rack cố định 24FO	Hộp ODF gắn rack cố định 24FO SC/UPC (Bao gồm 24 Adapter SC/UPC, 24 ống co nhiệt, khay nối quang, 24 dây nối quang đơn một SC/UPC dài 1.5m, phi 0.9mm)	2201-24060/ DINTEK	Trung Quốc/ Đài Loan	Cái	3	739.440	59.155	2.395.786
15	SFP 1G	Tốc độ truyền dữ liệu: 1G. Chuẩn sợi quang: SingleMode. Công kết nối quang: LC Duplex Bước sóng thu phát Tx/Rx: 1310nm Khoảng cách truyền dữ liệu: 10km	WT- 9110G/WinTop	Trung Quốc	Cái	22	551.220	44.098	13.096.987
16	Hộp ODF gắn rack cố định 12 FO	Hộp ODF gắn rack cố định 12FO SC/UPC (Bao gồm 12 Adapter SC/UPC, 12 ống co nhiệt, khay nối quang, 12 dây nối quang đơn một SC/UPC dài 1.5m, phi 0.9mm)	2202-12024/ DINTEK	Trung Quốc/ Đài Loan	Cái	12	537.770	43.022	6.969.499
17	Dây nhảy	Dây nhảy quang đơn một, Dài 5M Đường kính vỏ ngoài 3.0mm, Duplex Đầu kết nối SC/UPC và	Dây nhảy quang đơn một	Việt	Sợi	52	80.660	6.453	4.529.866

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Mã ký hiệu/ Nhà sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá (VNĐ)	VAT (VNĐ)	Tổng (VNĐ)
	quang	SC/UPCKiểu sợi quang Single-Mode 9/125μm	SC/UPC- LC/UPC dài 5M, phi 3.0mm, Duplex/Quang Lâm	Nam					
18	Convert er quang	<p>CONVERT QUANG 2 sợi quang</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ cổng RJ45 - Tự động nhận tốc độ (autosensing) - Tốc độ: 10/100/1000Mbps. - Bước sóng: hỗ trợ bước sóng: Tx 1310 nm và Rx 1310 nm - Khoảng cách truyền ≥ 20 km 	AP110- 20/APTEK	Trung Quốc/ Đài Loan	Chiếc	10	550.000	44.000	5.940.000
19	SFP 1G (Modul e quang SFP 1.25G)	<p>Tốc độ truyền dữ liệu: 1G.</p> <p>Chuẩn sợi quang: SingleMode.</p> <p>Cổng kết nối quang: LC Duplex</p> <p>Bước sóng thu phát Tx/Rx: 1310nm</p> <p>Khoảng cách truyền dữ liệu: 10km</p>	WT- 9110G/WinTop	Trung Quốc	Cái	4	551.220	44.098	2.381.270
20	Dây cáp mạng CAT6 UTP	<p>Dây cáp mạng Cat6 AMP UTP,</p> <p>Chiều dài: 1000 ft (304,8 m ~ 305m)</p> <p>Loại dây: AMP Category 6 UTP Cable, 4-Pair, 23AWG</p>	1427254-6 / COMMSCOPE	Trung Quốc	Cuộn	9	3.914.160	313.133	38.045.635

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Mã ký hiệu/ Nhà sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá (VNĐ)	VAT (VNĐ)	Tổng (VNĐ)
21	WIFI	Bộ phát Wifi treo trần hoặc gắn tường (WIFI 6).- Chuẩn Wi-Fi: IEEE 802.11ax (Wi-Fi 6). tương thích ngược 802.11a/b/g/n/ac- Cấu hình radio và MIMO: • 1 radio 2.4 GHz. 2 spatial streams. 2x2:2 MU-MIMO• 1 radio 5 GHz. 2 spatial streams. 2x2:2 MU-MIMO- Tốc độ kết hợp tối đa (2.4 GHz + 5 GHz): Không nhỏ hơn 2.976 Mbps- Ăng-ten : Ăng-ten thông minh gắn sẵn trong máy (built-in omnidirectional smart antennas). độ lợi tối thiểu 5 dBi ở băng tần 2.4 GHz và 5,7 dBi ở băng tần 5 GHz.- Công nghệ điều chế 802.11ax: Hỗ trợ đầy đủ 1024-QAM- Công nghệ truy cập nhiều người dùng: Hỗ trợ OFDMA (theo chuẩn 802.11ax)- Cổng Ethernet downlink: 1 cổng 10/100/1000Base-T RJ45. hỗ trợ PoE chuẩn IEEE 802.3af- Cổng uplink: 1 cổng combo 2.5GBase-T RJ45 / SFP (có thể dùng module SFP 1 Gbps). cổng này chia sẻ logic với cổng 1 Gbps downlink- Cổng console: 1 cổng RJ45 console (serial)- Số người dùng đồng thời tối đa trên mỗi AP: 256 - Số thiết bị khuyến nghị hoạt động đồng thời trên mỗi AP: 128- Số BSSID tối đa hỗ trợ: 32- Quản lý và bảo mật người dùng: • Hỗ trợ ẩn SSID • Mỗi SSID cấu hình độc lập chế độ xác thực. mã hóa. gắn VLAN • Hỗ trợ công nghệ nhận dạng thiết bị thông minh từ xa (RIPT) • Cân bằng tải thông minh dựa trên số người dùng hoặc lưu lượng	RG-SAP825- SP/Ruijie	Trung Quốc	Cái	26	4.939.810	395.185	138.709.865



STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Mã ký hiệu/ Nhà sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá (VNĐ)	VAT (VNĐ)	Tổng (VNĐ)
		<p>- Giới hạn kết nối và băng thông: • Giới hạn số STA theo SSID • Giới hạn số STA theo radio • Giới hạn băng thông theo STA/SSID/AP- Roaming: Hỗ trợ roaming Layer 2 và Layer 3 không gián đoạn- Bảo mật nâng cao: Hỗ trợ CPP (CPU Protect Policy) và NFPP (Network Foundation Protection Policy)- Chuyển đổi chế độ hoạt động linh hoạt: • Khi ở chế độ Fit AP có thể chuyển sang chế độ Fat qua Wireless Controller • Khi ở chế độ Fat có thể chuyển sang Fit qua console hoặc Telnet• Hỗ trợ quản lý tập trung qua Cloud của chính hãng- Giao thức quản lý: Hỗ trợ SNMP v1/v2c/v3Đáp ứng Quy định An toàn: + IEC 62368-1 + EN 62368-1Đáp ứng Quy định EMC: + EN 55032 + EN 55035 + EN IEC 61000-3-2 + EN 61000-3-3 + EN 301 489-1 + EN 301 489-3 + EN 301 489-17</p>							
22	Thiết bị chuyên mạch L2	<p>Thiết bị chuyên mạch lớp 2: Có POE- Cổng giao tiếp cố định: 24 x10/100/1000BASE-T ports. supporting PoE/PoE+; 4 x 1GE/2.5GE SFP ports- Tốc độ chuyển gói: 61 Mpps- Bảng địa chỉ MAC: 16.000- Số lượng VLAN: 4094- Jumbo Frame (MTU): 9.216 bytes- Dung lượng chuyên mạch: 82 Gbps- Flash Memory: 64 MB- SDRAM: 512 MB- Data packet buffer: 512 KB- Số lượng cổng Poe/PoE+: 24- Tiêu chuẩn PoE: IEEE802.3at ; IEEE802.3af- Hỗ trợ PoE: Công suất PoE tối thiểu 370W- Số lượng VLANs tối đa: 4094- Hỗ</p>	RG-S5000-24GT4MS-P-E/Ruijie	Trung Quốc	Cái	8	15.057.770	1.204.622	130.099.133

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Mã ký hiệu/ Nhà sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá (VNĐ)	VAT (VNĐ)	Tổng (VNĐ)
		trợ Link aggregation: LACP (IEEE 802.3ad)- Hỗ trợ Spanning tree: STP. RSTP. MSTP							
		- Tính năng ACL và QoS: • Hỗ trợ Standard ACL. Extend ACL và ACL Redirection• Hỗ trợ quản lý nghẽn: RR. SP. WRR. DRR. WFQ. SP+WRR. SP+DRR. và SP+WFQ• Hỗ trợ 8 hàng đợi ưu tiên trên 1 giao diện.- Tính năng Bảo mật: • Hỗ trợ RADIUS và TACACS+• Hỗ trợ IEEE 802.1x authentication• Hỗ trợ Port-based and MAC-based 802.1x authentication• Hỗ trợ Web authentication . HTTPS . SSHv1. SSHv2 . IGMP V1.V2 snooping . IP Source Guard• Hỗ trợ Chính sách bảo vệ CPU (CPP) và Chính sách bảo vệ nền tảng mạng (NFPP)- Dịch vụ IP:• Hỗ trợ DHCP snooping • DHCP Server. DHCP Client. DHCP Relay- Độ tin cậy: Hỗ trợ giao thức LLDP- Tính năng Quản lý: • Hỗ trợ: CLI (telnet/console). syslog/debug. Web. MACC public cloud• Hỗ trợ CWMP (TR-069)- Hỗ trợ 802.3az EEE (Energy Efficient Ethernet)Khả năng chống sét: + Power port: 6 kV/2 kV + Telecom port: 10 kV"							
23	Hạt mạng Rj45	Đầu mạng RJ45 DINTEK UTP Cat6	601-01001/APTEK	Trung Quốc	Túi	1	305.550	24.444	329.994
24	Bảng thông	Màn hình hiển thị: QLEDKích thước 65"Độ phân giải: tối thiểu 4K (3,840 x 2,160)Tần số quét:	QA65Q7FAAK	Việt	Cái	1	20.044.440		21.647.995

HÀ
TR
THA
08

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Mã ký hiệu/ Nhà sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá (VNĐ)	VAT (VNĐ)	Tổng (VNĐ)
	báo điện tử	50HzĐầu ra âm thanh (RMS): 20WKết nối: Có cổng HDMI, USB, Ethernet (LAN); Hỗ trợ Wi-Fi (chuẩn Wi-Fi 5 trở lên) và Bluetooth (chuẩn 5.3 trở lên).	XXV/Samsung	Nam				1.603.555	
25	Màn hình hiện thị (số xếp hàng)	+ Màn hình Kích thước: 32 inch - Độ phân giải: tối thiểu Full HD 1920 x 1080 - Tần số quét: 60Hz - Thời gian phản hồi: 5ms - Độ sáng: 300 nits - Tỷ lệ tương phản: 3000:1 - Tích hợp loa: 10W + Dây nguồn	LS32FM701U EXXV/ Samsung	Việt Nam	Bộ	12	9.910.180	792.814	128.435.933
26	Màn hình chuyên dụng (Chẩn đoán hình ảnh)	Màn hình đánh giá lâm sàng 27 inch – Màn Hình Y tế Kích thước 27" Tấm màn: IPS chống chói Độ phân giải: 3840 x 2160 Độ sáng: 450cd/m2 Góc nhìn: 178°(Trái/Phải), 178°(Trên/Dưới) Chuẩn hình ảnh: Custom, Mono, Text, DICOM, DICOM (Custom), Calibration 1, Calibration 2 Trang bị cổng kết nối: 1xHDMI, 1xDP, 1xUSB- C	27HS713C/LG	Việt Nam	Cái	1	80.000.000	6.400.000	86.400.000
27	Nhân công lắp đặt, vật tư	Nhân công lắp đặt, vật tư phụ	Việt Nam	Việt Nam	Gói	1	115.740.740	9.259.259	124.999.999

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Mã ký hiệu/ Nhà sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá (VNĐ)	VAT (VNĐ)	Tổng (VNĐ)
	phụ								
28	Máy Scan	<ul style="list-style-type: none"> • Công nghệ: Dual CIS- Giao Diện: Hi-Speed USB 3.0, USB Host (lên đến 128 GB)- Bộ nhớ: 512 MB- Tốc độ scan (A4): 40 ppm (trang trên phút) / 80 ipm (hình ảnh trên phút)- Độ phân giải quang học: 600 x 600 dpi- Độ phân giải nội suy: 1200 x 1200 dpi- Độ sâu màu: 48 bit (internal), 24 bit (external)- Thang màu xám: 256 levels (8 bit)- Hỗ trợ các định dạng file: PDF (single, multi, PDF/A-1b), JPEG, TIFF (single, multi)- Tính năng scan cơ bản: Scan to PC, Direct Scan (USB Host - up to 128 GB)- Tính năng scan khác: Auto Deskew(Feed), DetectEnd ofPage, MarginSetting, Auto Image Rotation ,EdgeFill , TearFill ,Punch Hole Removal, Auto Colour DetectAdjust, Blank Page Removal, DiffusionAdjustment - Grey,Colour ToneAdjustment, Background Processing- Hỗ trợ trình điều khiển TWAIN (Win, macOS), WIA, ISIS, Linux SANE - Phần mềm cao cấp trang bị kèm theo cho PC và MAC- Công suất scan hàng ngày: 6,000 tờ- Công suất scan hàng tháng: 120,000 tờ 	ADS-3100/Brother	Việt Nam	Cái	8	11.000.000	880.000	95.040.000

H
 NG
 Y TẾ
 NH
 *

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Mã ký hiệu/ Nhà sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá (VNĐ)	VAT (VNĐ)	Tổng (VNĐ)
29	Kios tiếp đón và tra cứu thông tin	Màn hình 27" LED; Full HD 1920*1080, tỷ lệ 9:16, cảm ứng điện dung 10 điểm Intel® Core™ i3 (6MB Cache up to 4.3 Ghz)/ RAM DDR4 8GB /SSD 240GB/ Intel® UHD 630 Graphics (4K). Kết nối trong: 01 x VGA, 01 x HDMI; 01 x Display port; 01 x USB type C; 06 x USB 3.0; 01 x Cổng kết nối đa năng 80 pins có thể kết nối đến các màn hình lớn chuyên dụng; 01 x LAN RJ45 100/1000, 01 x audio out, Kensington lock x 1; Wifi 802.11 AC; Kết nối ngoài vỏ máy: 01xUSB, 01x RJ45; 01 x AC220VMáy scan mã vạchMáy in mã vạchCamera chụp khuôn mặtThiết bị đọc CCCDKhung sườn thépPhần mềm (phải có bản quyền) - Phần mềm không thời hạn được tích hợp sẵn với KIOSK; - Phần mềm đáp ứng tương thích và tích hợp với hệ thống phần mềm quản lý bệnh viện (HIS). - Đăng ký khám bằng thẻ CCCD gắn chip hoặc định danh điện tử qua VneID. - Hỗ trợ các hình thức khám: Khám viện phí, khám BHXH, khám yêu cầu - Hỗ trợ cấu hình hiển thị số lượng bệnh nhân đang chờ khám tại từng phòng khám. - Hỗ trợ cấu hình danh sách phòng khám, giá công khám. - Cung cấp chức năng nhận diện khuôn mặt để hỗ trợ định danh người dùng. - Kiểm tra thông tin và trạng thái bảo hiểm y tế của người dùng trên cổng BHXH. - Hỗ trợ xác thực thẻ CCCD với Cơ sở Dữ liệu Quốc gia về Dân cư. - Trích xuất thông tin từ thẻ CCCD gắn chip và thẻ căn cước mới qua QR	Q-Kiosk 27TAG_DA06/ Tag	Việt Nam	Bộ	1	100.833.330	8.066.666	108.899.996

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Mã ký hiệu/ Nhà sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá (VNĐ)	VAT (VNĐ)	Tổng (VNĐ)
		code/NFC/MRZ - Hỗ trợ thanh toán trực tuyến - Cho phép nhập bổ sung các thông tin cần thiết như số điện thoại (SDT), nghề nghiệp, ... - Xác nhận đăng ký khám và kết nối, đẩy dữ liệu vào hệ thống Quản lý khám chữa bệnh (HIS). - Chức năng tra cứu giá dịch vụ - Chức năng khảo sát, đánh giá dịch vụ Chứng nhận 4 ISO: ISO 9001-2015; ISO 14001-2015; ISO 45001-2018, ISO27001-2013, 5S Standard							
30	Xe tiêm gắn laptop	- Cấu hình xe tiêm:+ Xe chính: 01 bộ+ Khay đựng thùng rác: 01 cái+ Giá để máy tính: 01 cái+ Khay đựng tài liệu: 01 Cái+ Khay đựng hộp kim tiêm, vật sắc nhọn: 01 Cái+ Khay đựng dung dịch kháng khuẩn: 01 Cái+ Ngăn kéo đựng đồ: 06 Cái+ Thùng rác: 03 cái- Cấu hình Laptop:+ CPU: tối thiểu Intel® Core i3-1315U + Màn hình: 15.6 inch Full HD (1920 x 1080)+ RAM: tối thiểu 8GB+ Ổ cứng có sẵn: tối thiểu 512GB SSD- Bảng chữ ký điện tử/vân tayThiết bị lấy mẫu vân tay - Cảm biến: Quang học thế hệ mới- Giao tiếp: USB 2.0- Độ phân giải: 500 dpi	NIHOPHAWA - HL7/NIHOPHAWA	Việt Nam	Cái	7	49.615.370	3.969.230	375.092.197
31	Máy in mã vạch	- Thông số kỹ thuật: Công nghệ in: Thermal Transfer Độ phân giải: 203/300 dpi Tốc độ in tối đa: 8 ips (203 dpi) / 6 ips (300 dpi) Bộ nhớ 128 MB RAM, 256 MB Flash Giao tiếp USB, RS232, Ethernet	Barcode Printer iT4X (Black) /iDPRT	Trung Quốc	Cái	1	7.333.330	586.666	7.919.996

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Mã ký hiệu/ Nhà sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá (VNĐ)	VAT (VNĐ)	Tổng (VNĐ)
		Hỗ trợ Windows / Linux / MacOS							
32	Máy đọc mã vạch	Máy đọc mã vạch Cảm biến: CMOS, độ phân giải 1280 x 1080 Nguồn sáng: White LED, laser cross focus Đọc mã: Hỗ trợ 1D & 2D barcode (QR Code, Data Matrix, PDF417, Code128, EAN, UPC...) Độ phân giải đọc: 3 mil Khoảng cách đọc: đến 300 mm (tùy loại mã) Kết nối: Bluetooth 5.0 Pin: 3200 mAh, thời gian sử dụng ~12 giờ, ~6 giờ Bộ nhớ: 8 MB (lưu khoảng 10.000 mã EAN-13) Độ bền: chuẩn IP42	HN- 7278HD/iDPR T	Trung Quốc	Cái	2	3.870.370	309.630	8.359.999
33	Thiết bị ký điện tử	Thiết bị lấy mẫu vân tay - Cảm biến: Quang học thế hệ mới - Giao tiếp: USB 2.0 - Độ phân giải: 500 dpi - Tốc độ nhận dạng: < 1 giây	ZK9500 /ZKTeco	Trung Quốc	Cái	10	1.992.220	159.378	21.515.976
34	Màn hình hỗ trợ thanh toán	Màn hình thanh toán: 23,8 inch Loại tấm nền: IPS Technology Độ phân giải: 1920 x 1080 Loại độ phân giải: FHD (Full HD) Tỷ lệ tương phản tĩnh: 1,300:1 Độ sáng: 250 cd/m ² (typ) Tỷ lệ khung hình: 16:9 Kết nối: VGA, 3.5mm Audio, HDMI	ViewSonic VA2414- H/ViewSonic	Trung Quốc	Cái	4	2.648.140	211.851	11.439.965
35	Bộ máy tính	Bộ vi xử lý: CPU Intel Core I5-11400F (2.6GHz upto 4.4GHz, 6 nhân 12 luồng, 12MB Cache) - Socket Intel LGA 1200) Mainboard: Mainboard	Model: VN800 P/N: APOPI5114R8	Việt Nam	Bộ	35	17.314.810	1.385.185	654.499.818

STT	Danh mục	Thông số kỹ thuật	Mã ký hiệu/ Nhà sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá (VNĐ)	VAT (VNĐ)	Tổng (VNĐ)
		<p>HIỆU VIỆT NAM - Máy tính sản xuất, lắp ráp năm 2026. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; ISO 27001:2022; ISO 45001:2018</p> <p>Bảo hành: 24 tháng, có thể tra cứu bảo hành trực tuyến bằng mã QR tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng; Xem thông tin bảo hành, lịch sử bảo hành, khuyến mại bảo hành; Xem thông số kỹ thuật của sản phẩm; Cho phép gia hạn bảo hành; Khiếu nại bảo hành thông qua văn bản và đính kèm hình ảnh; Xử lý, giải đáp bảo hành online 24/7</p>							
36	Bản quyền phần mềm diệt virus	<p>Hỗ trợ cả Windows và MacOS</p> <p>Hỗ trợ Web Security, Web Control /Category-based URL Blocking, Application Control, Deep Learning Malware Detection, Anti-Malware File Scanning, Automated Malware Removal, Synchronized Security Heartbeat, Live Discover, SQL Query Library, Deep Learning Malware Analysis "</p>	Sophos	Án Độ	Gói	10	1.401.160	-	14.011.600
		Tổng cộng							2.586.245.591